|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****TỈNH QUẢNG NAM**ĐỀ CHÍNH THỨC  (*Đề gồm có 02 trang*) | **KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2022-2023****Môn: VẬT LÍ – Lớp 9**Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

|  |
| --- |
| **MÃ ĐỀ B**  |

 |

**I. TRẮC NGHIỆM: *(5,00 điểm)***

***Chọn phương án trả lời đúng nhất trong các câu từ 1-15 dưới đây và ghi vào phần bài làm.***

**Câu 1:** Với điều kiện nào thì xuất hiện dòng điện cảm ứng trong cuộn dây dẫn kín?

**A.** Khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây rất lớn.

**B.** Khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây biến thiên.

**C.** Khi không có đường sức nào từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây.

**D.** Khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây được giữ không tăng.

**Câu 2.** Nếu tăng hiệu điện thế giữa hai đầu đường dây tải điện lên 4 lần thì công suất hao phí do toả nhiệt trên đường dây sẽ thay đổi như thế nào?

**A.** Tăng 4 lần. **B.** Giảm 4 lần.

**C.** Giảm 16 lần. **D.** Tăng 16 lần.

**Câu 3.** Khi chuyển điện áp từ đường dây cao thế xuống điện áp sử dụng thì cần dùng

**A.** biến thế tăng điện áp. **B.** biến thế giảm điện áp.

**C.** biến thế ổn áp. **D.** cả biến thế tăng áp và biến thế hạ áp.

**Câu 4.** Hiệu điện thế giữa hai đầu dây cuộn sơ cấp và cuộn thứ cấp của một máy biến thế lần lượt là 110V và 220V. Nếu số vòng dây cuộn thứ cấp là 110 vòng, thì số vòng dây cuộn sơ cấp là

**A.** 2200 vòng. **B.** 550 vòng.

**C.** 220 vòng. **D.** 55 vòng.

**Câu 5.** Người ta truyền tải một công suất điện 20kW bằng dây dẫn có điện trở 20Ω. Hiệu điện thế giữa hai đầu dây tải điện là 10kV. Công suất hao phí trên đường dây là

**A.** 40W. **B.** 80W.

**C.** 400W. **D.** 800W.

**Câu 6.** Trong hiện tượng khúc xạ ánh sáng thì đường pháp tuyến có đặc điểm:

**A.** là đường thẳng bất kỳ đi qua điểm tới.

**B.** là đường thẳng trùng với mặt phân cách giữa hai môi trường.

**C.** đi qua điểm tới và vuông góc với mặt phân cách giữa hai môi trường.

**D.** đi qua điểm tới mà không vuông góc với mặt phân cách giữa hai môi trường.

**Câu 7.** Tia tới song song với trục chính của thấu kính phân kỳ cho tia ló

**A.** đi qua điểm giữa quang tâm và tiêu điểm. **B.** song song với trục chính.

**C.** truyền thẳng theo phương của tia tới. **D.** có đường kéo dài đi qua tiêu điểm.

**Câu 8.** Thấu kính phân kỳ là loại thấu kính có

**A.** phần rìa mỏng hơn phần giữa. **B.** phần rìa dày hơn phần giữa.

**C.** phần rìa và phần giữa bằng nhau. **D.** hình dạng bất kỳ.

**Câu 9.** Vật AB đặt trước thấu kính hội tụ có tiêu cự f. Điểm A nằm trên trục chính, cho ảnh thật A’B’ nhỏ hơn vật thì AB nằm cách thấu kính một đoạn

**A.** OA < f. **B.** OA > 2f.

**C.** OA = f. **D.** OA = 2f.

**Câu 10.** Một thấu kính hội tụ có tiêu cự 20cm. Khoảng cách giữa hai tiêu điểm F và F’ là

**A.** 10cm. **B.** 20cm.

**C.** 40cm. **D.** 50cm.

**Câu 11.** Khi nhìn rõ một vật thì ảnh của vật đó nằm ở

**A.** thể thủy tinh của mắt. **B.** võng mạc của mắt.

**C.** con ngươi của mắt. **D.** lòng đen của mắt.

**Câu 12.** Biểu hiện của mắt lão là

**A.** không nhìn rõ các vật ở xa mắt.

**B.** chỉ nhìn rõ các vật ở xa mắt, không nhìn rõ các vật ở gần mắt.

**C.** chỉ nhìn rõ các vật ở gần mắt, không nhìn rõ các vật ở xa mắt.

**D.** nhìn rõ các vật trong khoảng từ điểm cực cận đến điểm cực viễn.

**Câu 13.** Sự giống nhau về ảnh ảo của một vật tạo bởi thấu kính phân kỳ và ảnh ảo của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ là

**A.** ảnh cùng chiều với vật. **B.** ảnh ngược chiều với vật.

**C.** ảnh lớn hơn vật. **D.** ảnh nhỏ hơn vật.

**Câu 14.** Mắt của một người có khoảng cực viễn là 40cm. Thấu kính mang sát mắt sử dụng phù hợp là thấu kính

**A.** hội tụ có tiêu cự 40cm. **B.** hội tụ có tiêu cự 20cm.

**C.** phân kỳ có tiêu cự 40cm. **D.** phân kỳ có tiêu cự 20cm.

**Câu 15.** Kính lúp là thấu kính hội tụ có

**A.** tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật nhỏ.

**B.** tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật lớn.

**C.** tiêu cự dài dùng để quan sát các vật nhỏ.

**D.** tiêu cự dài dùng để quan sát các vật có hình dạng phức tạp.

**II. TỰ LUẬN: (5,00 điểm)**

**Câu 1. *(2,00 điểm)*** - Trình bày cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của máy biến thế.

 - Khi nào thì máy biến thế là máy tăng thế, giảm thế?

**Câu 2.** ***(3,00 điểm)*** Một vật sáng AB đặt vuông góc với trục chính Δ của một thấu kính hội tụ, A nằm trên trục chính, cách thấu kính 16cm, cho ảnh A’B’qua thấu kính. Thấu kính có tiêu cự 12cm.

**a.** A’B’là ảnh thật hay ảnh ảo? Vì sao? Vẽ ảnh A’B’.

**b.** Tính khoảng cách từ ảnh đến thấu kính.

**c.** Một màn ảnh đặt song song với vật sáng AB và cách AB một đoạn L=48cm. Xác định vị trí đặt vật để thu được ảnh rõ nét trên màn.

---- HẾT ----